

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 148/2024/DS-PT  
Ngày: 24-9-2024  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng Dân sự  
vay tài sản”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

Bà Nguyễn Thị Bích Thảo

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đạt Nguyên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2024/TLPT-DS ngày 30 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp: “Hợp đồng Dân sự vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 31/2024/DS-ST ngày 07/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 285/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2024, Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự số 805/TB-TA ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Kim T, sinh năm: 1972; cư trú tại số A, đường H, tổ A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

**- Bị đơn:** Vợ chồng ông Trương Vũ Tri N, sinh năm: 1973, bà Lê Thu H, sinh năm: 1973; cư trú tại số A, đường H, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm: 1981; cư trú tại số B, khu A, ấp A, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền số 3623 quyền số 02/2024 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C chứng thực ngày 05/8/2024); có mặt.

**- Người kháng cáo:** Vợ chồng ông Trương Vũ Tri N, bà Lê Thu H – Bị đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 09/8/2023, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của bà Lê Thị Kim T thì: Ngày 08/5/2023 vợ chồng ông Trương Vũ Tri N, bà Lê Thu H có vay của bà số tiền 3.171.000.000đ; hai bên có lập hợp đồng vay tiền, thỏa thuận lãi 3%/ tháng; bị đơn hẹn 02 tháng sau sẽ trả cả gốc lẫn lãi. Tuy nhiên, đến nay vợ chồng ông N, bà H chưa trả mặc dù bà đã đòi nhiều lần. Nay bà có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc là 3.171.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 08/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất là 1,66%/tháng làm tròn 13 tháng; thành tiền 684.301.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 3.855.301.000đ.

- Vợ chồng ông Trương Vũ Tri N, bà Lê Thu H thừa nhận có ký giấy vay với bà T số tiền 3.171.000.000đ vào ngày 08/5/2023. Tuy nhiên, trước đây vợ chồng ông, bà chỉ vay 1.550.000.000đ vào các ngày 20/8/2021 và 25/8/2021. Sau đó bà T đã khởi kiện vợ chồng ông, bà tại Tòa án nhân dân huyện Di Linh, bà T tính lãi đến hết năm 2022 theo mức lãi 2.500đ/1.000.000đ/ngày và từ năm 2023 đến ngày 08/5/2023 theo mức lãi 2.000đ/1.000.000đ/ngày thành số tiền 3.171.000.000đ và yêu cầu vợ chồng, bà viết và ký vào giấy vay nói trên tuy nhiên vợ chồng ông, bà không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 31/2024/DS-ST ngày 07/6/2024; Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim T về việc “Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản” với vợ chồng ông Trương Vũ Tri N, bà Lê Thu H. Buộc ông Trương Vũ Tri N, bà Lê Thu H có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Kim T số tiền 3.855.301.000đ.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 25/6/2024 vợ chồng ông Trương Vũ Tri N, bà Lê Thu H có đơn kháng cáo đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chỉ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền vay gốc là 1.550.000.000đ và số tiền lãi tính theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa,*

Ông Nguyễn Ngọc P, người đại diện theo ủy quyền của vợ chồng ông N, bà H, vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Bà Lê Thị Kim T không đồng ý với kháng cáo của bị đơn; đề nghị giải quyết như Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các

đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định theo đúng quy định của pháp luật; đơn kháng cáo của vợ chồng ông Trương Vũ Tri N, bà Lê Thu H; thủ tục kháng cáo được thực hiện theo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của vợ chồng ông Trương Vũ Tri N, bà Lê Thu H thì thấy rằng:

[2.1] Theo hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 08/5/2023 giữa bà Lê Thị Kim Thúy v vợ chồng ông Trương Vũ Tri N, bà Lê Thu H có xác lập hợp đồng vay tiền, có chữ ký, điểm chỉ và ghi họ tên người vay là ông Trương Vũ Tri N, bà Lê Thu H. Theo đó, vợ chồng ông N, bà H vay bà T số tiền 3.171.000.000đ; thời hạn vay 02 tháng, lãi thỏa thuận 3%/tháng.

Vợ chồng bà H, ông N cho rằng trên thực tế chỉ vay của bà T 1.550.000.000đ, số tiền theo hợp đồng vay mà nguyên đơn dùng khởi kiện nói trên là do bà T cộng dồn cả số tiền lãi nhưng không cung cấp được chứng cứ, chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ, bà T lại không thừa nhận nên không có căn cứ xem xét.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông N, bà H xuất trình các bảng kê trả tiền, tính tiền lãi với bà T, tuy nhiên qua xem xét thì các tài liệu này lại thể hiện việc tính toán và trả tiền này diễn ra trước thời điểm mà vợ chồng ông N, bà H ký hợp đồng vay số tiền 3.171.000.000đ. Bà T cho rằng đây là các khoản tiền được trả cho một khoản vay trước đó, không liên quan đến khoản vay ngày 08/5/2023 nên không có cơ sở để xem xét. Cấp sơ thẩm đã buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 3.855.301.000đ, trong đó tiền gốc là 3.171.000.000đ, tiền lãi là 684.301.000đ là có cơ sở.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng và toàn diện nội dung vụ án; vợ chồng ông N, bà H có đơn kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác so với các tài liệu, chứng cứ đã nộp tại Tòa án cấp sơ thẩm nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên vợ chồng ông Trương Vũ Tri N, bà Lê Thu H phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm đồng thời phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Trương Vũ Trí N, bà Lê Thu H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim T về việc “Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản” đối với vợ chồng ông Trương Vũ Trí N, bà Lê Thu H.

Buộc vợ chồng ông Trương Vũ Trí N, bà Lê Thu H có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Kim T số tiền 3.855.301.000đ (ba tỷ tám trăm năm mươi lăm triệu ba trăm lẻ một nghìn đồng) {trong đó tiền gốc là 3.171.000.000đ (ba tỷ một trăm bảy mươi mốt triệu đồng), tiền lãi là 684.301.000đ (sáu trăm tám mươi bốn triệu ba trăm lẻ một nghìn đồng)}.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

+ Bà Lê Thị Kim T không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm; bà T được nhận lại số tiền 51.620.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0005525 ngày 28/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

+ Vợ chồng ông Trương Vũ Trí N1, bà Lê Thu H phải chịu 109.106.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Vợ chồng ông Trương Vũ Trí N1, bà Lê Thu H phải chịu 600.000đ án phí Dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 600.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0004076 và 0004077 ngày 11/7/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng ông N1, bà H đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND huyện Di Linh (01);
- Chi cục THADS huyện Di Linh (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Châu Thạch**